

- 1 Phân tích cách lên idea & chống bẫy khi phát triển bài
- 2 Xử lý khó khăn paraphrasing & vocabulary theo topics
- 3 Chấm điểm chi tiết của ex-examiner

Cùng viết những essay topic siêu khó



PUBLICIZED PRIVATE LIVES

Should **celebrities** accept it as a part of their fame?

TRADITIONAL CLASSROOMS

Will they **exist** by the year 2050?

WEALTH vs. HAPPINESS

Does additional **wealth** make people in rich countries **happier**?

September

LỜI TỰA

Chào mừng bạn đến Tạp chí IELTS Insights, số tháng 9/2023. Tạp chí được biên soạn bởi team academic của **trung tâm IELTS 1984** và được ra mắt hàng tháng tại **group Facebook 'Cùng học IELTS bản chất'**, các bạn join group để cùng đón đọc số mới nhất nhé.

Lý do lớn nhất cho sự ra đời của IELTS Insights là mang đến người học một **góc nhìn đơn giản hơn, cực kì dễ hiểu về kì thi IELTS**. Với phần đông học sinh, các bạn thường đặt mục tiêu quanh mức 6.0-7.0, và đây là một mục tiêu hoàn toàn khả thi với phần lớn các bạn, nếu mình học đúng phương pháp và thực sự quyết tâm. Chúng mình rất mong muốn **IELTS Insights sẽ là người bạn hữu ích, luôn đồng hành** cùng mọi người trên hành trình này nha.

Trong mỗi ấn bản, chúng mình sẽ cùng nhau lấy các đề IELTS vừa mới thi trong tháng đó, phân tích thật chi tiết về cách lên idea, cách phát triển ý, gom data cho từng body paragraph, paraphrasing... và sau đó sẽ cùng viết một bài sample dựa trên insights mình đã phân tích phía trên nha. Đồng thời, một số bài cũng sẽ được gửi cho ex-examiner chấm, và chúng mình để ở phía cuối cùng nha.

Việc ra mắt tạp chí hàng tháng đòi hỏi nỗ lực biên soạn rất lớn từ các bạn giáo viên ở trung tâm, chúng mình cố gắng để mang đến các bạn góc nhìn rõ ràng hơn về lập luận và phát triển ý trong bài viết, mình sẽ nhìn nhận kì thi một cách logic hơn, hiểu cách để học và chuẩn bị tốt hơn cho kì thi.

Hi vọng cuốn tạp chí này sẽ là người bạn đồng hành tin cậy cùng mọi người trong quá trình ôn tập nha.

Trong quá trình biên soạn, chắc chắn sẽ những chỗ chưa hoàn hảo cần ý kiến đóng góp của mọi người. Mọi ý kiến đóng góp, mọi người inbox về fanpage trung tâm IELTS 1984 (<https://www-facebook-com/IELTS1984Official>) giúp chúng mình nhé.



MỤC LỤC

Task 1	12/8/2023	6
Task 1	9/8/2023	8
Task 1	3/8/2023	10
Task 2	16/8/2023	12
Task 2	14/8/2023	14
Task 2	13/8/2023	16
Comment chi tiết của ex-examiner		18

Có bao giờ các bạn bế tắc với cuộc sống, hai phần ba năm 2023 đã trôi qua nhưng mọi kế hoạch của mình cứ ngổn ngang, không biết bắt đầu từ đâu! Mình muốn chấm dứt cái cảm giác bế tắc đó nhưng không biết cách, và không một ai có thể giúp được. Thật ra có 1 cách rất hữu hiệu, đó là... giỏi tiếng Anh.

Chắc mọi người sẽ thấy hơi 'vô lý' đúng không? Bình tĩnh nghe chúng mình giải thích nhen. Mọi người thường nghĩ học tiếng Anh là để đi 'du lịch', 'giao tiếp với người nước ngoài', nhưng thật ra thì mình hông có du lịch thường xuyên, gặp người nước ngoài cũng ít. Sau nhiều năm sử dụng tiếng Anh, chúng mình nhận ra lợi ích thiết thực nhất và gắn liền nhất hàng ngày là kỹ năng **Reading & Listening**. Hai skills này giúp mình mở ra một kho kiến thức vô tận trên Internet, những nội dung vô cùng hữu ích (đặc biệt là trên YouTube) mà gần như không có trong tiếng Việt, bao gồm cả cách để giải quyết các bế tắc trong cuộc sống.

Chính chúng mình cũng như mọi người, khi phát triển chương trình dạy tại IELTS 1984, **cũng gặp vô cùng nhiều bế tắc, không biết giải quyết từ đâu**. Và gần đây gần như mình được gỡ rối hoàn toàn nhờ một video trên kênh "Better Ideas". Video kể về hành trình bạn chủ kênh vượt qua bế tắc, bạn ấy cũng đọc đủ các thể loại sách self-help, đủ thứ lời khuyên để giúp giải quyết vấn đề. Người ta dạy phải ngồi brainstorm, phải ngồi suy nghĩ thật cặn kẽ đủ các khía cạnh, cho đến khi bạn ấy nhận ra là cứ suy nghĩ mãi sẽ **chẳng đi đến đâu cả**.

Bạn ấy nhận ra chỉ có **hành động** mới là **giải pháp**, hành động bất kì việc gì, nhỏ thôi, giải pháp tới từ những hành động nhỏ, rồi trong quá trình hành động bạn sẽ dần dần biết là nên làm gì, không thể ngồi 1 chỗ suy nghĩ mãi được. Câu quote cực hay trong video là **"We DON'T THINK ourselves into new ways of living, we LIVE ourselves into new way of thinking"*****. Bạn ấy ví dụ về một lúc bế tắc, chẳng biết làm gì, trong đầu nghĩ là 'muốn nhảy xuống một cái hồ nước nào đó', và thế là lái xe tìm cái hồ nước giữa mùa đông để nhảy xuống, thế mà nó đã giúp bạn ấy giải toả căng thẳng và biết nên làm gì tiếp theo.

IELTS 1984 chúng mình đã áp dụng triệt để tư duy này vào cách làm việc và gần như hoàn toàn thay đổi quy trình ở trung tâm, chỉ từ 1 ý tưởng nhỏ trong video này thôi mà trung tâm đã tăng hiệu suất rất nhiều và mọi người không còn tình trạng bế tắc, khi cả team chỉ 'ngồi brainstorm mà chẳng có action'. Cụ thể như trong việc cải tiến chương trình, team academic không quá sa đà đào sâu brainstorm suy nghĩ hết mọi khía cạnh của chương trình, vốn vô cùng phức tạp và nản, mà team xác định cái gì chắc chắn phải làm, thì ngay lập tức execute làm ngay, và **trong quá trình thực thi** cái nhỏ đó, **mình sẽ dần dần biết nên làm gì tiếp theo**.

Ngoài về công việc như ví dụ trên, tiếng Anh còn giúp bạn mở rộng nguồn kiến thức vô tận về tất cả mọi thứ mình cần học hỏi, từ cách chăm sóc mèo đến cách làm cha mẹ, việc giỏi ngôn ngữ này sẽ giúp mình trở thành một người đầu óc phong phú và hiểu biết hơn rất nhiều, giá trị của nó không phải chỉ nằm ở con điểm IELTS để xét học bạ hay xin việc, mà những kiến thức do tiếng Anh mang lại nhiều khi sẽ giúp mình hoàn toàn thay đổi cuộc sống.

Biết đâu một ngày đẹp trời, bạn thấy buồn vì cuộc sống không bao giờ như ý mình muốn và muốn tìm hiểu thêm về Đạo Phật chẳng hạn. Mọi người bị choáng bởi những cụm từ về Đạo Phật, vốn phần lớn là tiếng Hán-Việt, không dễ hiểu chút nào. Nhưng các bạn nhận ra là những khái niệm ấy trong tiếng Anh lại rất dễ hiểu, như **'vô thường'** là **'impermanent'**, mình hiểu ngay vô thường ý là không có gì tồn tại mãi, cái gì cũng sẽ thay đổi. Hay như **'chánh niệm'** trong tiếng Anh là **'mindfulness'** (rất gần nghĩa với từ 'consciousness') nghĩa là 'để tâm/ để ý đến việc gì đó', mình sẽ hiểu chánh

September

niệm là có để tâm, để ý đến hiện tại, chứ đầu óc mình không bị lạc trôi miên man về việc khác. Phần lớn nội dung về Phật giáo viết bằng tiếng Anh cũng rất dễ hiểu như vậy. Vậy đó mọi người, tiếng Anh sẽ giúp mình mở rộng đầu óc hơn rất nhiều nhờ lượng nội dung chất lượng và vô tận trên Internet.

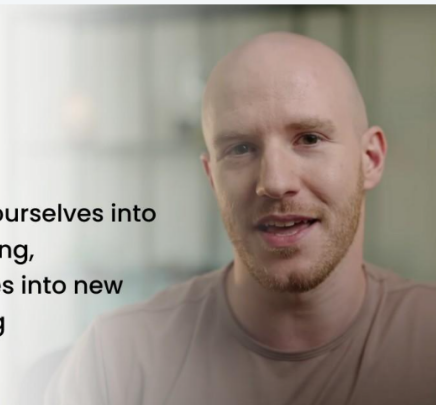
Chúc mọi người học giỏi và học vui nhen <3.



“

We don't **think** ourselves into new ways of living, we **live** ourselves into new ways of thinking

@betterideas

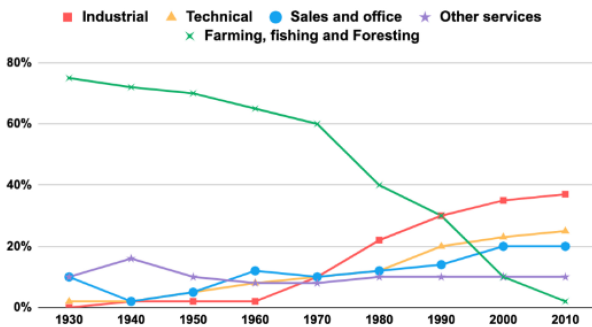


**Tạm dịch: Chúng ta không thể ngồi suy nghĩ mãi để có được lối sống mới, mà chúng ta phải (thay đổi) cách sống để rồi hình thành suy nghĩ mới. Đại ý là hành động đến trước, rồi sau đó suy nghĩ khác biệt sẽ đến sau hành động, chứ không phải như mình hay nghĩ là ngồi suy nghĩ, nghĩ cách sống mới, rồi hành động đến sau.

Task 1

12/8/2023

USA labour force employment, 1930-2010



The graph below presents the employment patterns in the USA between 1930 and 2010. Summarize the information by selecting and reporting on the features, and make comparisons where relevant.

Đây là một bài line graph kinh điển, có lẽ bạn nào bắt đầu học IELTS Writing Task 1 cũng tiếp cận một đề tương tự như này. Mình sẽ viết bài này đơn giản, theo đúng cách tiếp cận dạng line thường gặp nhé mọi người.

DISCUSSION

1 Idea cho overview

Vẫn như thường lệ, mình sẽ tìm thông tin chính theo **trend** và **lớn nhất/nhỏ nhất** nha, ở đề này mình còn có thể đưa thông tin 'line nào thay đổi nhiều nhất' nữa.

1. Trend: Mình thấy lĩnh vực 'industrial' 'technical' và 'sales and office' tăng và trở thành 3 ngành lớn nhất, còn 'farming, fishing and forestry' thì giảm.

2. Về lớn nhất/nhỏ nhất: Bài này không có line nào cao hoặc thấp hơn hẳn các line khác trong cả giai đoạn, bù lại mình có 'farming, fishing and forestry' thay đổi **rất mạnh** so với các line khác => thông tin này có thể đưa vào overview nhé mọi người.

2 Cách phân 2 body

Với bài line chúng mình có thể phân body **theo năm**, hoặc phân **theo line** đều được nhé mọi người. Tuy nhiên, khi dạy ở trung tâm IELTS 1984, và cả khi biên soạn tạp chí IELTS Insights, chúng mình cũng đều chọn một cách **tiếp cận nhất quán**, đó là **phân body theo line** nha.

Ở đây có 2 nhóm là 3 line tăng, 1 line giảm mạnh, còn 'other services' thì đi ngang, nên chúng mình gom 3 line tăng vô body 1 cho đơn giản, và body 2 là 2 line còn lại. Viết như này cũng tạo mạch lạc với phần overview tốt luôn nha.

3 Cách lần lượt tả từng câu

Với bài line thì cách tả thường rất đơn giản, mình so sánh dữ liệu năm đầu của các line trong body đó, sau đó lần lượt tả thời gian còn lại của các line ra. Lưu ý là dữ liệu **năm đầu** và **năm cuối** là rất quan trọng, mình luôn luôn đưa vào khi tả nhé mọi người.

+ Body 1: Do tả lần lượt 3 line sẽ quá dài, nên mình gom 2 line giống nhau là **technical** và **sales and office** vô để tả chung nhé mọi người.

(Câu 1) So sánh dữ liệu năm đầu (năm 1930) của 3 line (0%, 1% và 10%) => **(Câu 2)** Tả thời gian còn lại của line **Industry:** đi ngang + tăng đều lên mức cao nhất 35% vào năm cuối => **(Câu 3)** 2 line **technical và sales and office:** nhìn chung hết thì là tăng đều qua giai đoạn để cho + tả dữ liệu năm cuối.

+ Body 2: **(Câu 1)** Tả **farming, fishing and forestry** là năm đầu cao nhất + data, sau đó giảm mạnh, và năm cuối là thấp nhất => **(Câu 2)** **Other services:** trong 10 năm đầu tăng từ 10% lên 15%, sau đó giảm lại về 10% và duy trì quanh mức này.

4 Paraphrasing

Trong bài này chúng mình sẽ lặp rất nhiều lần từ 'ngành nghề', mình có thể linh hoạt để diễn đạt ý '**ngành nghề X**' hoặc '**làm việc ở ngành X**' bằng các từ như:

- employer || sector || industry || be engaged in + technical jobs || pursue + sales and office + occupations || sales and office + positions || occupation(s)

5 Vocabulary

- **Giảm mạnh:** ngành X + see a dramatic drop



Task 1 12/8/2023

The graph below presents the employment patterns in the USA between 1930 and 2010. Summarize the information by selecting and reporting on the features, and make comparisons where relevant.

SAMPLE

Note

vocabulary | paraphrasing

The line graph gives information about the proportion of American workers employed in various sectors from 1930 to 2010.

Overall, throughout the given period, the industrial, technical, and sales and office sectors emerged as major **employers**. In contrast, there was a sharp downward trend in the agricultural sector, falling from by far the most popular **sector** to the least by the end of the timeframe.

Regarding **industries** that gained in popularity, in 1930, virtually no Americans were engaged in **industrial and technical jobs**, and only 10% **pursued sales and office occupations**. Thereafter, after having remained consistent until 1960, the industrial sector began attracting more workers, with its percentages rising gradually, ending up at its highest level of nearly 35% in both 2000 and 2010. Similar upward trends were also witnessed in technical and **sales and office positions**, as their participation rates underwent steady increases overall, to around 30% and 20% respectively in the final year, making them the second and third most common **occupations**.

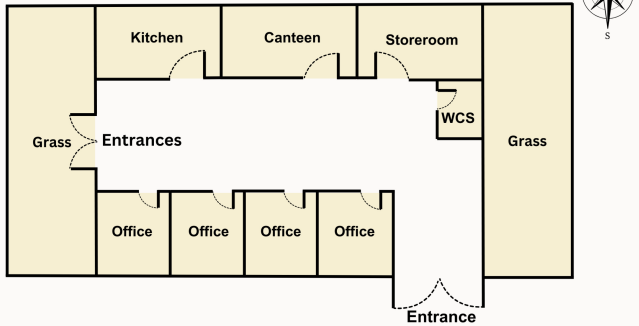
On the other hand, despite being the **dominant industry** in 1930, with approximately 75% of the labour force employed in farming, fishing and forestry, this sector **saw a dramatic drop** over the years, reaching a low of only 5% in 2010. Finally, the percentage of workers in other services rose from 10% to 15% in the first decade, then then fell back to a relatively stable level of around 10% for the rest of the period.

(240 words)

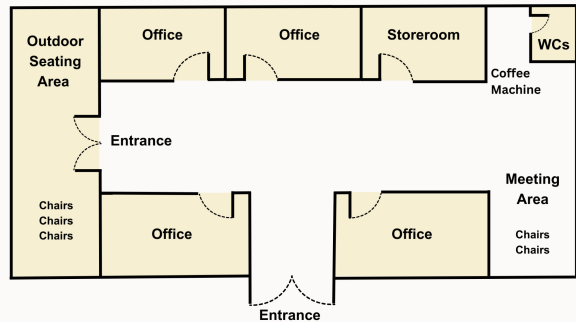
Task 1

9/8/2023

Present Office Building



Future Office Building



The maps show the changes of an office building between the present and the future. Summarize the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.

DISCUSSION

1 Idea cho overview

Đây là một bài map classic về 'toà nhà', đã ra thi vào những năm trước, và có lẽ phần lớn các bạn học IELTS đều đã từng làm một bài tương tự như thế này.

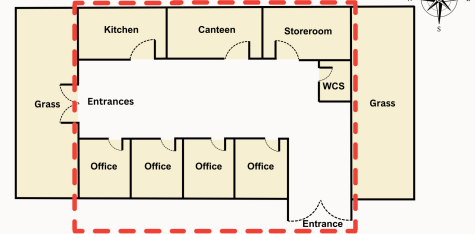
Với overview cho dạng map thường mình sẽ chỉ ra sự thay đổi lớn nhất của toà nhà, ở đây mình thấy sự thay đổi lớn nhất là việc bỏ đi 2 khu vực trống cỏ (grassy area) ở 2 bên để thay bằng seating area (bên trái) và thêm indoor space (bên phải).

2 Cách phân 2 body

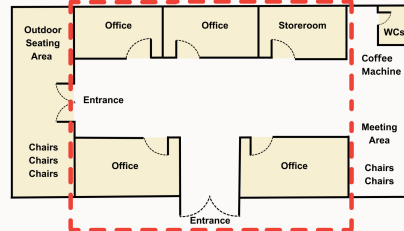
Phân body có lẽ cũng là một việc khó khăn với nhiều bạn khi mình có quá nhiều cách phân body cho dạng Map. Ở trung tâm IELTS 1984 và trong tạp chí Insights này, một lần nữa chúng mình luôn ưu tiên một cách **tiếp cận nhất quán** (dù có thể không hoàn hảo trong một số trường hợp) => vậy nên chúng mình thường phân body **theo từng phân khu** (section) của map nhé mọi người. Tức là body 1 mình sẽ chọn 1 phân khu và tả nó cho cả 2 map, body 2 mình sẽ tả phần còn lại của cả 2 map.

Cụ thể, với đề này, body 1 mình sẽ tả phần ở giữa (màu đỏ) trong lần lượt map 1 và map 2, body 2 mình sẽ tả phần rìa bên trái & phải trong cả 2 map.

Present Office Building



Future Office Building

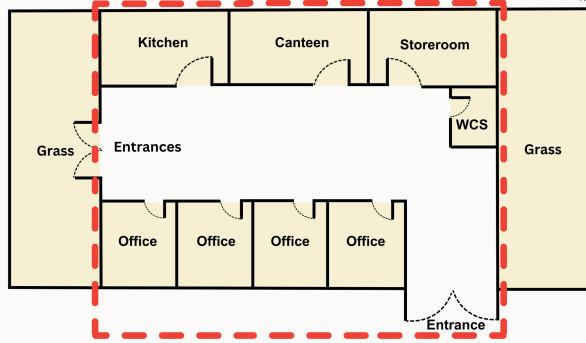


3 Cách lần lượt tả từng câu

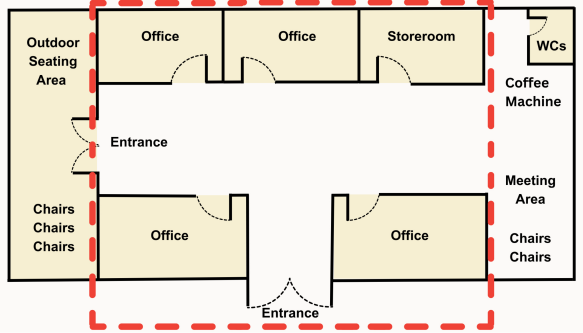
Mình sẽ lần lượt chọn từng phòng/từng object trong phân khu đã chọn rồi tả vị trí của nó hiện tại => sau đó tả nó sẽ thay đổi như thế nào trong tương lai.

+ Body 1: (Câu 1) Có từ nối để người đọc biết mình đang tả phân khu nào (Regarding the office interior) => tả kitchen và canteen được remodeled thành văn phòng & storeroom giữ nguyên => **(Câu 2)** tả 4 văn phòng bên trái của entrance sẽ được đập đi và xây lại thành 2 office mới to hơn, và nằm giữa cái entrance mới (được đổi vị trí)

Present Office Building



Future Office Building



+ **Body 2: (Câu 1)** Tả phần bãi cỏ phía Đông của tòa nhà (As for the outdoor area currently to the east of the building) => sẽ được merge vô chung tòa nhà hiện tại => **(Câu 2)** Ở khu này, sẽ có meeting area mới, có một open area ở giữa và có coffee machine ở khu phía sau của tòa nhà (in the back) => **(Câu 3)** Tả cái toilets ở trí gần storeroom hiện tại cũng sẽ dời về đối diện coffee machine => **(Câu 4)** Tả phần bên trái, bãi cỏ sẽ được biến thành một outdoor seating area.

4 Vocabulary

- **chuyển đổi kết cấu cái gì/ biến X thành Y:** remodel/convert X into Y
- **X có nhiều thay đổi:** X undergo (significant) changes
- **đập đi cái gì:** demolish sth



Task 1 9/8/2023

The maps show the changes of an office building between the present and the future. Summarize the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.

SAMPLE

Note

vocabulary | paraphrasing

The given maps show what an office **building** looks like now and its proposed changes.

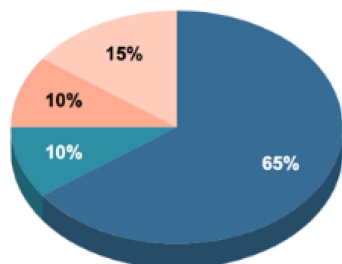
Overall, the grassy areas to the east and west of the **property** will both be replaced by additional indoor space and an outdoor seating area respectively. In addition, the proposed changes will shift the focus of the building to be more work-oriented.

Regarding the office interior, the kitchen and canteen will be **remodeled into** new office spaces, which will be much larger than the current ones, while the storeroom to the east of the canteen will stay the same. The four small offices to the left of the entrance will also **undergo significant changes**, as they will be **demolished** to make room for the newly relocated entrance and bigger offices on each side.

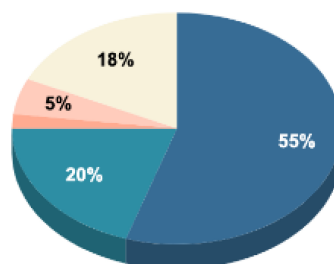
As for the outdoor area currently to the east of the building, the plan proposes that they be merged to create more floor space overall. There will be a meeting area in the bottom right corner, and also an open area between it and the newly added coffee machine in the back. Meanwhile, the toilets next to the storeroom will be relocated next to the coffee machine in the proposed plan. Finally, the grassy area on the west side will be **converted into** a larger outdoor seating area, to which a new entrance is to provide access. (225 words)

Task 1 3/8/2023

1991
290 million visits



2000
290 million visits



- Borrow or return books
- Obtain information
- Study
- Read newspaper or magazine
- Borrow or return videos

The charts below give information about the people who use public libraries and the main reasons to visit in Britain in 1991 and 2000. Summarize the information making comparisons where relevant.

DISCUSSION

1 Idea cho overview

Bài này trong overview mọi người cần hết sức lưu ý về **con số tổng** nha (290 million), mình cần nhắc đến tổng số lượng khách trong 2 năm là không đổi (còn con số 290 triệu thì mình để ở overview hay ở cuối body 2 đều được). Do 2 pie trong 2 năm nên vẫn như thường lệ, mình sẽ đưa ra **trend và lớn nhất/ nhỏ nhất**.

Trend: Thay đổi đáng kể mình thấy có obtaining information và borrowing and returning videos (không có ở 1991) vươn lên trở thành những lý do phổ biến trong năm 2000.

Lớn/nhỏ nhất: borrowing and returning là lớn nhất và vượt trội so với các mục đích còn lại.

2 Cách phân 2 body

Hai pie theo năm như này thì mình có thể phân 2 body theo từng năm (body 1 viết năm 1991 và body viết 2000), hoặc phân theo các mục đích đều được nhé mọi người. Chúng mình chọn cách **phân body theo mục đích**, đây cũng là cách viết nhất quán mà chúng mình dạy ở IELTS 1984 luôn.

3 Cách lần lượt tả từng câu

Khi đã phân body xong, nhiệm vụ tiếp theo là mình làm sao sắp xếp các thông tin trong 1 body cho mạch lạc, mượt mà. Chúng mình nhìn việc này rất đơn giản, mình xem nó như...line graph vậy. Mình sẽ lần lượt **so các cấu phần** trong năm 1991, và **tả xu hướng** của chúng năm 2000.

+ **Body 1:** Tả 2 cấu phần lớn nhất năm 1991 là **borrow and return books** và **read newspaper or magazine** và thêm 1 cấu phần nữa là **study** (nó cũng giảm như 2 cái kia)

(**Câu 1**) so sánh số liệu của borrow and return books và read newspaper or magazine năm 1991 (65% vs. 15%) => (**Câu 2**) cả 2 lý do này đều giảm 10% vào năm 2000. => (**Câu 3**) study cũng giảm, giảm từ 10% về còn 2%.

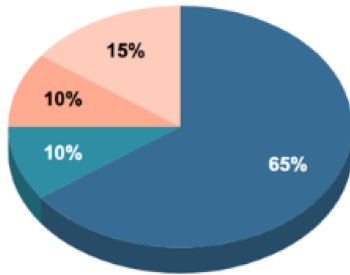
+ **Body 2:** Tả 2 cấu phần còn lại

(**Câu 1**) obtaining information tăng gấp đôi từ 10% lên 20% => (**Câu 2**) borrow or return videos không có ở năm 1991, nhưng chiếm 1/5 vào năm 2000 => (**Câu 3**) cho số tổng 290 triệu lượt ghé thăm ở cả 2 năm.

5 Vocabulary

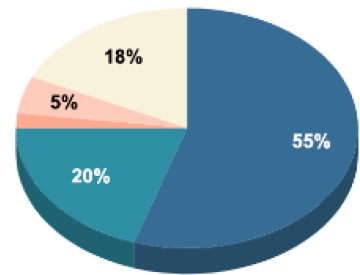
- **Lý do phổ biến thứ 3:** the third most popular/ common/prevalent reason
- **Tăng gấp đôi:** double (from X) (to Y)

1991
290 million visits



- Borrow or return books
- Obtain information
- Study
- Read newspaper or magazine
- Borrow or return videos

2000
290 million visits



Task 1 3/8/2023

The charts below give information about the people who use public libraries and the main reasons to visit in Britain in 1991 and 2000. Summarize the information making comparisons where relevant.

SAMPLE

Note

vocabulary | paraphrasing

The pie charts provide information about the primary reasons why people visited public libraries in the UK in 1991 and 2000.

Overall, libraries received the same number of visitors in both years, with borrowing and returning books being by far the most common purpose. However, a shift was observed in the way users utilized these facilities, as borrowing or returning videos, which was not listed as a reason in 1991, along with seeking information, emerged as significant reasons by the end of the period shown.

In 1991, nearly two-thirds of visits to British public libraries were to borrow or return books, which was considerably higher than the next most popular, reading newspapers or magazines, at only 15% of visits. Both of these categories witnessed a 10% drop by 2000, standing at 55% and 5% respectively. A similar downward trend was recorded in studying, as it accounted for 10% of all visits in 1991, but declined significantly to a mere 2% in 2000.

On the other hand, there was a corresponding rise in the popularity of obtaining information, with its share **doubling from 10% to 20%** in the latter year. Meanwhile, while no users borrowed videos from libraries in 1991, nearly one-fifth did so in 2000, making it **the third most prevalent reason**. Finally, in both years public libraries in the UK served the same number of 290 million visits. (229 words)



Task 2 16/8/2023

DISCUSSION

1 Idea

Đây là bài đầu tiên trong series 3 topic ra thi vào tháng 8 vừa rồi, mà chúng mình thấy rất khó để có idea để viết.

Ý kiến đưa ra của đề này là 'Cách học truyền thống gồm giáo viên và học sinh ngồi trong cùng 1 phòng học sẽ không còn tồn tại **cho đến năm 2050**'. Nhiều bạn chắc có thể sẽ hơi bối rối chỗ '**năm 2050**', và không rõ mình sẽ tranh luận '2050' như thế nào, nó có mốc gì đặc biệt mà phải là 2050? Tại sao không phải năm 2045 hay 2051?

Mình chỉ cần hiểu đơn giản **năm 2050** như là '**in the near future**' là oki nhé mọi người. Mình tranh luận là trong tương lai gần, kiểu học trong phòng học truyền thống có còn tồn tại hay không => Quan điểm của chúng mình là '**vẫn sẽ còn**' cho đến năm 2050, vì trường học có những giá trị mà việc học online sẽ chưa thay thế được.

+ Giờ mình tìm cách cấu trúc 2 body như nào cho hợp lý nha. Mình sẽ viết cách 40/60 truyền thống, ở **body 1** mình sẽ bàn về '**ý kiến 'ngược'** với **lập trường của mình ở body 2 (vẫn còn trường học năm 2050)**'. Để tránh hiểu lầm, ở body 1, mình sẽ **đưa ra quan điểm 'ngược' ở ngôi thứ 3** nha (**On the one hand, I can understand why some say/predict that...** = Một mặt, tôi có thể hiểu được tại sao một số người nói là...), còn ở **body 2 mới thực sự là quan điểm của mình (However, I believe that ...)**.

+ **Body 1: Một số người tranh luận là:** có công nghệ thực tế ảo (virtual reality – VR) rồi thì không cần đến trường, và tài liệu để học trên mạng đã có quá nhiều.

+ **Body 2: Tôi thì tin là:** những tiên đoán về sự phát triển đột phá của công nghệ sẽ thay đổi thế giới => thường là sai, và trường học vẫn cần để học kĩ năng tương tác với con người, để học làm việc nhóm.

2 Phát triển ý

+ **Body 1: (Câu 1) Topic Sentence:** Tôi hiểu được tại sao một số người dự đoán lớp học physical sẽ lỗi thời => **(Câu 2) Đưa ra lý do 1:** công nghệ VR giúp người học hoà mình vào lớp học như thật => **(Câu 3) Hệ quả:** là VR sẽ xoá đi nhu cầu phải đến lớp để học => **(Câu 4) Đưa lý do 2:** Kiến thức trên mạng giờ rất nhiều, tài liệu & khoá học học online đều có, không cần đến trường nữa.

The typical way of learning that a teacher and students meet together in one classroom will not exist by the year 2050. To what extent do you agree or disagree?

+ **Body 2: (Câu 1) Topic Sentence:** Tôi thấy quan điểm ở body 1 không thuyết phục và lớp học truyền thống vẫn sẽ còn => **(Câu 2) Đưa ra lý do 1:** các dự đoán lạc quan quá mức về sự cách mạng mà công nghệ mang tới, trong thực tế, ít khi thành sự thật => **(Câu 3)** Công nghệ VR bây giờ vẫn chưa tốt để mang đến trải nghiệm mượt mà => **(Câu 4) Đưa ra lý do 2:** trường học là nơi học cách giao tiếp giữa người với người, online không thay thế được => **(Câu 5) (Ví dụ)** Học teamwork và cách giải quyết mâu thuẫn cũng quan trọng như học kiến thức, và trường học vẫn là nơi tốt nhất cho việc này.

3 Paraphrasing

Trong bài này mình sẽ lặp nhiều lần cụm '**a teacher and students meet together in one classroom**', ý ở đây là trường học truyền thống. Mình có thể diễn đạt thành những cụm có nghĩa tương tự (không phải đồng nghĩa nha) như là:

traditional classroom settings // brick-and-mortar schools and classrooms // physical classrooms // physical presence in the classroom // physical school setting // physical schools

4 Vocabulary

- **sự lạc hậu:** the obsolescence of...
- **sự tiến bộ (công nghệ):** the advancement of (technology)
- **đắm mình vào...:** immerse oneself in sth
- **sự phát triển toàn diện:** well-rounded development
- **cái idea gì đó đi sớm quá/nhanh quá/trước thời đại (idiom):** jump the gun



Task 2 16/8/2023

The typical way of learning that a teacher and students meet together in one classroom will not exist by the year 2050. To what extent do you agree or disagree?

SAMPLE

Note

vocabulary | paraphrasing

Opinions are divided on whether **traditional classroom settings** with teachers and students will disappear by 2050 at the latest. Although I understand the arguments supporting this notion, I believe that **brick-and-mortar schools and classrooms** will continue to exist in the foreseeable future.

On the one hand, I can understand why some predict **the obsolescence of physical classrooms** in the near future. The most compelling argument for this perspective could be **the advancement of** virtual reality technology, which allows students and teachers to **immerse themselves** and interact **in a virtual world** for educational purposes. Many contend that this experience could be so seamless that it could eliminate the need for one's **physical presence in the classroom**. Additionally, the wealth of knowledge available online, including materials and courses from prestigious educational institutions, leads some to believe that studying from home will soon render schools irrelevant and unnecessary.

However, I find the rationale behind this viewpoint to be unjustified, and I believe that traditional classroom settings will persist beyond 2050. First, history has shown that overly optimistic predictions about technology revolutionizing our way of life have seldom come true. Despite our best efforts, significant technological obstacles still **impede** the progress of virtual reality, preventing it from providing a seamless experience that would allow for comfortable home-based learning. Another reason for my skepticism is the irreplaceable value of human interaction in a **physical school setting**, which is essential to an individual's well-rounded development. Learning how to work as a team and resolve personal conflicts is as important as acquiring technical knowledge, and schools remain the most conducive environment for nurturing such skills.

In conclusion, those who argue for the obsolescence of **physical schools** appear to have **jumped the gun**. Due to the inherent advantages of traditional educational settings, it is likely that they will continue to exist well beyond the year 2050. (308 words)

Task 2 14/8/2023

Some experts suppose that when a country is already rich, any additional increase in economic wealth does not make its citizens happier. To what extent do you agree or disagree?

DISCUSSION

1 Idea

+ Đây là một đề đặc trưng cho việc đọc đề xong mình sẽ 'đứng hình' (và cười vô tri...) vì thật sự là cũng không biết tranh luận như nào cho hợp lý. Chúng mình cũng đã phải suy nghĩ khá lâu để đưa ra quan điểm hợp lý cho bài này.

+ Để đưa ra quan điểm là **'khi một nước đã giàu rồi, thì giàu thêm nữa cũng không làm dân chúng hạnh phúc hơn'**, hơi tương tự quan điểm của chú Đặng Lê Nguyên Vũ của cà phê Trung Nguyên khi nói **'tiền nhiều để làm gì'**.

+ Chúng mình có quan điểm là **thêm tiền vẫn tạo ra hạnh phúc** vì hạnh phúc nó không nằm ở việc có tiền mà nằm trong 'quá trình mình làm việc để kiếm tiền'. Idea này nảy sinh khi đang soạn Journal mà chúng mình lại nghĩ về 'nghề dạy IELTS'. Không phải team giáo viên chúng mình đợt cuối tháng có lương để đi ăn uống mua sắm thì mới happy, mà nghề dạy vui nhất là mỗi ngày được gặp học sinh và nhìn thấy các bạn tiến bộ.

+ Giống như bài trên, mình sẽ viết kiểu 40/60 cho đề này. Ở body 1 mình sẽ bàn về ý kiến ngược với lập trường của mình ở body 2 => **Body 1** mình sẽ **đưa ra quan điểm 'ngược' ở ngôi thứ 3** nhé mọi người (**Some argue that...** = 'Một số người tranh luận là...'), còn ở **body 2** **mới thực sự là quan điểm của mình** (**I contend that...** = 'Tôi nghĩ là...').

+ **Body 1: Một số người tranh luận là:** ở các nước có khoảng cách giàu nghèo lớn, của cải làm ra không được phân phát đều cho người dân, thì giàu thêm cũng không làm người ta happy hơn.

Body 2: Tôi thì tin là: trừ một vài trường hợp ở body 1, thì giàu thêm sẽ giúp mình happy hơn.

=> Lưu ý: Đây chỉ là 1 trong nhiều cách lập luận cho đề này nhé mọi người, chủ đề về tiền bạc & hạnh phúc người ta đã bàn bạc quá nhiều, mình không cần sa đà vào tranh luận những câu hỏi quá cao siêu, triết học ở topic này nhen mọi người.

2 Phát triển ý

+ **Body 1: (Câu 1) Topic Sentence:** những nước giàu thêm mà không mang đến hạnh phúc hơn là vì của cải không được phân phối công bằng => **(Câu 2)** Ví dụ là nước Saudi Arabia, có trữ lượng dầu lớn nhất Thế giới => **(Câu 3)** Tuy nhiên tiền từ bán dầu phần lớn là về túi gia đình hoàng gia, còn nhiều người dân vẫn nghèo => **(Câu 4)** Hai là, những nước mà tiền thêm nhiều họ sẽ phục vụ quân sự, chiến tranh, thay vì ưu tiên an sinh xã hội => **(Câu 5)** Ví dụ là nước Mỹ, họ chi rất nhiều tiền cho quân sự nhưng có rất nhiều người vô gia cư, khó khăn => nên có thêm tiền nữa thì chưa chắc dân chúng sẽ happy.

+ **Body 2: (Câu 1) Topic Sentence:** Tôi tin là với nhiều nước còn lại, giàu hơn sẽ làm mọi người hài lòng với cuộc sống hơn => **(Câu 2)** Đưa ra lý do: vì cảm giác happy của mình đến từ chính công việc và đóng góp của mình vào cuộc sống (trong quá trình mình đi làm kiếm tiền) => **(Câu 3)** Giải thích tiếp tục: việc mình nỗ lực để giỏi hơn mỗi ngày trong công việc cũng làm cho cuộc sống mình có ý nghĩa hơn, mình thấy happy hơn => **(Câu 4)** Sự hạnh phúc này có thể thấy của các nước Bắc Âu (Scandinavian countries) và nhiều nước châu Âu khác, nơi nền kinh tế họ công bằng hơn => **(Câu 5)** Các nước đó họ ngày càng giàu, và dân chúng vẫn rất happy với cuộc sống.

3 Paraphrasing

Trong bài này mình sẽ bị lặp lại 2 cụm **'any additional increase in economic wealth'** và **'make citizens happier'**

Sẽ rất **khó để paraphrase** nếu mình chỉ hoàn toàn dựa vào từ đồng nghĩa (**synonyms**) => vậy nên key của việc paraphrase là tùy vào ngữ cảnh của câu, mình **sẽ giải thích 2 cụm này theo những cách khác** nhé mọi người. Mình diễn đạt những cụm này theo cách khác, với các nét nghĩa **gần tương tự** với cụm đề cho => chứ không phải mình tìm synonyms để thay thế 1-1 cho từ 'make' // 'citizen' // 'happier' nhen.





Task 2 14/8/2023

Some experts suppose that when a country is already rich, any additional increase in economic wealth does not make its citizens happier. To what extent do you agree or disagree?

→ Paraphrasing

1. **any additional increase in economic wealth** => mình có thể diễn đạt thành các cụm có nghĩa tương tự như
additional wealth generated from economic activities || economic success || economic growth || a growing economy || accumulate more wealth

2. **make citizens happier** => mình có thể diễn đạt thành các cụm có nghĩa tương tự như
increased happiness || increased satisfaction with life || a sense of fulfillment || promoting happiness || enhance an individual's overall life satisfaction

4 Vocabulary

- **bất bình đẳng thu nhập/tài sản:** wealth inequality
- **điều kiện sống nghèo nàn:** impoverished condition(s)
- **an sinh xã hội:** social welfare
- **đáp ứng các nhu cầu sống cơ bản:** meet one's basic needs
- **cảm mục đích cuộc sống:** a sense of purpose (in life)

SAMPLE

Note

vocabulary | paraphrasing

Opinions are divided on whether **additional wealth generated from economic activities** in developed countries directly translates to **increased happiness** among their citizens. While some might dispute this notion, I firmly believe it holds merit.

Some argue that **economic success** loses its significance in countries where **wealth inequality** is still a major issue. A case in point is Saudi Arabia, which has the largest oil reserves in the world. However, the revenue from this natural resource primarily benefits its royal family, leaving millions of its residents in **impoverished conditions**. Furthermore, in nations that prioritize military activities over **social welfare, economic growth** might not noticeably improve the living standards of the general population. For instance, numerous Americans struggle with homelessness, unable to **meet their basic needs**, even though their country invests vast sums of money in global wars and conflicts.

However, despite the few examples mentioned above, I contend that regardless of a country's economic status, **a growing economy** generally correlates with **increased satisfaction with life** among its citizens. One major reason is that our **sense of fulfillment** often stems from the act of working and contributing to something, rather than solely from **financial compensation**. The personal endeavour to better oneself at work, and the whole economy collectively, can instill **a profound sense of purpose**, resulting in a thriving and overall happier nation. This can be seen in affluent Scandinavian countries and much of the rest of Europe, especially those with fairer wealth distribution. Even though their economies continue to gradually expand, they remain among the happiest regions globally.

In conclusion, while some might challenge the notion that **accumulating more wealth** has limited impact on **promoting happiness** in prosperous nations, I maintain that, except for a few outliers, in most countries with effective governance, efforts to foster the national economy also enhance an individual's **overall life satisfaction**. (305 words)

Task 2

13/8/2023

In some countries, celebrities complain about the way the media publicize their private lives. Some people say that they should accept it as part of their fame. To what extent do you agree or disagree?

DISCUSSION

1 Idea

+ Để cho fact để dẫn nhập vào bài là **'người nổi tiếng họ phàn nàn về việc truyền thông công khai đời sống cá nhân của họ'**, và quan điểm của đề nêu ra là **'Những người nổi tiếng nên chấp nhận việc ấy (việc bị công khai đời tư) là một phần của sự nổi tiếng của họ'**.

+ Đây có lẽ là một bài siêu khó để có idea, mình nghĩ **'họ nên chấp nhận'** thấy cũng không ổn, vì có những nghệ sĩ hết mình vì nghệ thuật (ví dụ chú Thành Lộc ở Việt Nam, hoặc diễn viên Tom Hanks, đạo diễn Christopher Nolan) và họ chỉ muốn nhớ đến vì đóng góp chứ không muốn bị nhắc đến qua đời tư cá nhân. Tuy nhiên, có những celeb thiếu thực lực mà nổi lên chỉ nhờ đời tư (ví dụ gia đình Kardashian), thì họ có lẽ nên chấp nhận việc bị soi mói đời tư, vì đó cũng chính là lý do họ nổi tiếng mà.

=> Vậy nên, quan điểm của chúng mình cho đề này là **'tùy'**. Tùy vào từng đối tượng celebrity khác nhau mà họ nên có thái độ khác nhau về sự soi mói về cuộc sống cá nhân.

* **Lưu ý quan trọng:** Cách viết này rất dễ bị hiểu nhầm thành cách viết 'ba phải' 'không có quan điểm rõ ràng', nên các bạn **để ý ngôn ngữ của mở bài và kết bài** nhé, để người đọc hiểu rất rõ mình đang viết là 'tùy'. Và ở Topic Sentence mình cũng **nêu tên rõ** nhóm đối tượng cụ thể sẽ bàn trong mỗi body ra luôn nhé.

+ **Body 1:** Bàn về nhóm celebrity nên chấp nhận bị soi mói => là nhóm nổi lên nhờ đời tư + lối sống phô trương.

+ **Body 2:** Bàn về nhóm celebrity nên được tôn trọng đời tư => là nhóm nghệ sĩ có tài năng và chỉ muốn phát triển nghệ thuật



2 Phát triển ý

+ **Body 1: (Câu 1) Topic sentence:** nhắc đến tên nhóm đối tượng mình sẽ bàn trong body 1 (attain their stardom by drawing attention to themselves rather than having exceptional talent) => **(Câu 2)** Mình giải thích ra họ 'drawing attention to themselves' là như nào, là họ phơi bày cuộc sống cá nhân, và lối sống xa hoa => **(Câu 3)** Chắc chắn ở đây mình cần cho ví dụ rồi nha, mình sẽ lấy ví dụ về gia đình Kardashian => **(Câu 4)** Đưa ra hệ quả là nhóm celeb này nên chấp nhận truyền thông soi mói vì những câu chuyện đời tư chính là thứ giúp họ nổi tiếng/giàu có từ đầu.

+ **Body 2: (Câu 1) Topic sentence:** nhắc đến tên nhóm đối tượng mình sẽ bàn trong body 1 (artists who dedicate their entire lives to advancing their art forms) => **(Câu 2)** Mình cho ví dụ ra, tại thời điểm soạn Journal này thì phim Oppenheimer đang nổi quá, nên chúng mình đưa ví dụ là... Christopher Nolan và Cillian Murphy => **(Câu 3)** Giải thích họ là những người chỉ muốn được nhớ đến qua đóng góp cho nghệ thuật => **(Câu 4)** Đưa ra hệ quả là nhóm celeb này không nên bị xâm phạm đời tư.

=> *Bạn nào để ý sẽ thấy cấu trúc 2 body các câu rất giống nhau luôn, câu 2 & 3 của body 2 chỉ là... đảo thứ tự câu 2 & 3 của body 1 thôi.*

3 Paraphrasing

Bài này mình sẽ bị lặp nhiều lần từ **'publicize private lives'**

Các bạn lưu ý là những cụm từ trong bài dùng để paraphrase **'không phải là từ đồng nghĩa'**, mình đừng học máy móc, xem các từ này là giống nhau nha. Các bạn cần để ý đến bối cảnh cụ thể của câu trước khi dùng nhé.



Task 2 13/8/2023

In some countries, celebrities complain about the way the media publicize their private lives. Some people say that they should accept it as part of their fame. To what extent do you agree or disagree?

→ Paraphrasing

publicize private lives => mình có thể diễn đạt thành các cụm có nghĩa tương tự như

extensive media coverage of ... || intrusion by the media || the media's obsession with every detail of ... || invasion into their private lives || invade their personal space || exposing their private moments

4 Vocabulary

- 1. đón nhận việc gì đó:** embrace sth (để paraphrase từ 'accept')
- 2. phơi bày việc gì:** put sth on display
- 3. cải tiến/ làm việc gì đó tiến bộ:** advance sth
- 4. được cho phép làm gì:** be entitled to do sth
- 5. bước qua giới hạn:** overstep boundaries



SAMPLE

Note

vocabulary | paraphrasing

Opinions are divided on whether it should be normal for celebrities to **embrace** the **extensive media coverage of their personal lives**. I think the answer depends on different categories of famous people.

On the one hand, those who attain their stardom by drawing attention to themselves rather than having exceptional talent should accept a certain level of **intrusion by the media**. It is not uncommon to see numerous high-profile figures **putting** their personal lives and extravagant lifestyles **on display** to attract public attention for their own benefit. The Kardashian family serves as a clear example of this phenomenon, as they have gained fame through scandals without making a single significant contribution to society. Such figures should welcome **the media's obsession with every detail of** their daily activities and constant **invasion into their private lives**, due to the nature of public curiosity, which made them famous in the first place.

However, there are also exceptional artists and performers who dedicate their entire lives to **advancing** their art forms, achieving popularity through their professional endeavors. For example, great directors and actors such as Christopher Nolan or Cillian Murphy, who strictly keep the details of their personal and family lives secret, should not be intruded upon. These individuals should be admired solely for their contributions, and respected just like any other ordinary member of society. The media should not **be entitled to invade their personal space**, following them everywhere and **exposing their deeply private moments** without prior consent.

In conclusion, it is true that not all celebrities are the same, and some of them utilize the media as a tool to promote their public images, and thus should accept the inevitable intrusion into their daily lives. However, other eminent artists deserve respect for their private lives and personal matters, and the media should not **overstep boundaries** in such cases. (306 words)

Feedback from an Ex-examiner

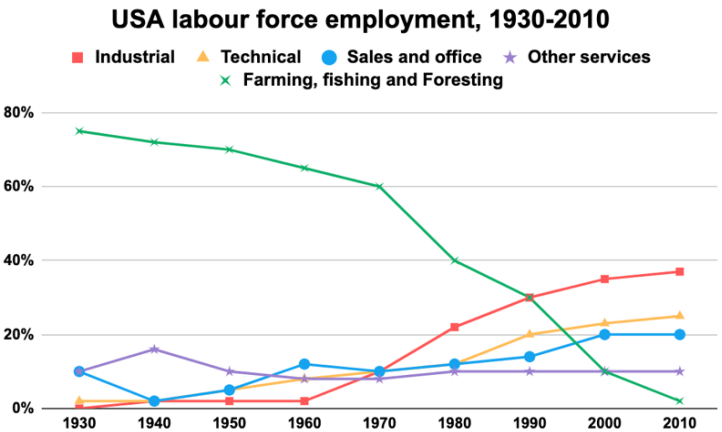
OVERALL BAND SCORE 8 8+8+8+9

SEE BELOW C&C LR GRA MODEL ANSWER

WRITING TASK 1

You should spend about 20 minutes on this task.

The graph below presents the employment patterns in the USA between 1930 and 2010. Summarize the information by selecting and reporting on the features, and make comparisons where relevant.



Your answer

The line graph gives information about the employment of American workers in various sectors from 1930 to 2010.

Overall, throughout the given period, the industrial, technical, and sales & office sectors emerged as major employers. In contrast, there was a sharp downward trend in the number of people working in the agricultural sector, becoming the least chosen one by the end of the timeframe.

Regarding industries that gained in popularity, in 1930, virtually no Americans were engaged in industrial and technical jobs, and only 10% pursued sales and office occupations. Thereafter, having remained consistent until 1960, industrial jobs began attracting more workers, with its percentages rising gradually to a peak of roughly 35% in both 2000 and 2010. Similar upward trends were also witnessed in technical and sales and office positions, as their participation rates underwent steady increases overall, to around 30% and 20% respectively in the final year, making them the second and third most common occupations.

On the other hand, despite being the dominant industry in 1930, with approximately 75% of the labor force employed in farming, fishing and foresting, this sector saw a dramatic decline over the years, reaching a low of only 5% in 2010. Finally, the percentages of workers in other services rose slightly from 10% to 15% in the first decade, and then fell to a relatively stable level of around 10% for the rest of the period.

Overall band score 8 8+8+8+9

TA – Task Achievement nb – GRA and LR errors have not been corrected

Band score 8

There are some minor inaccuracies, which is why I gave you 8 instead of 9.

You covered the requirements of the task.

All the key features and details are given clearly with sufficient detail and accuracy.

- covers all requirements of the task sufficiently

Band score 8 TA

- presents, highlights and illustrates key features/bullet points clearly and appropriately

Band score 8 TA

Recommended Layout for Task 1 Answers

Write an introduction paraphrasing the information provided. If possible, change the structure from a noun phrase to a noun clause (change *the chart gives information about the number of* to *the chart shows how many [...]*).

Write a clear overview of the main trends, differences, and stages. If there are trends and differences (ie if there are changes over time), give some information about both. If there are only differences, as in questions with no time scale, provide differences of more than one type.

Put the overview after the introduction in a separate paragraph. Don't hide it in the introduction or at the end, as it's the first thing the examiner looks for.

Separate your paragraphs with blank lines. It looks better and there can be no doubt that it is a new paragraph.

Write one or more paragraphs about the information itself and organise it logically.

Use signposting phrases to show your organisation to the examiner. Eg *Looking first at the most popular reasons, [...]*

It's not necessary to write a conclusion, because you've already given the information in an overview.

The line graph gives information about the employment of American workers in various sectors from 1930 to 2010.

Overall, throughout the given period, the industrial, technical, and sales & office sectors emerged as major employers. In contrast, there was a sharp downward trend in the number of people working in the agricultural sector, becoming the least chosen one by the end of the timeframe.

Đã chú thích [2]: OK introduction, but see C&C & GRA

Đã chú thích [3]: I'm not sure fishing counts as agricultural

Đã chú thích [4]: Clear overview
I'd also point out that FFF was by far the most popular at the start

Regarding industries that gained in popularity, in 1930, virtually no Americans were engaged in industrial and technical jobs, and only 10% pursued sales and office occupations. Thereafter, having remained consistent until 1960, industrial jobs began attracting more workers, with its percentages rising gradually to a peak of roughly 35% in both 2000 and 2010. Similar upward trends were also witnessed in technical and sales and office positions, as their participation rates underwent steady increases overall, to around 30% and 20% respectively in the final year, making them the second and third most common occupations.

On the other hand, despite being the dominant industry in 1930, with approximately 75% of the labor force employed in farming, fishing and foresting, this sector saw a dramatic decline over the years, reaching a low of only 5% in 2010. Finally, the percentages of workers in other services rose slightly from 10% to 15% in the first decade, and then fell to a relatively stable level of around 10% for the rest of the period.

Đã chú thích [5]: Information is summarised accurately and clearly

C&C - Cohesion and Coherence nb GRA and LR errors have not been corrected

Band score 8

Your method of organisation is logical and clearly signposted.

There is clear progression throughout.

- sequences information and ideas
- logically

Band score 8 C&C

The use of cohesive devices and referencing is accurate throughout.

- manages all aspects of cohesion well

Band score 8 C&C

- uses paragraphing sufficiently and appropriately

Band score 8 C&C

The following are correct signposting phrases for writing Task 1 Academic, not necessarily of this question.

Phrase	Example
Turning first to	Turning first to the most popular devices, iPhones [...]
Looking first at	
As far as [...] is concerned,	As far as the Northern Network is concerned, passenger numbers [...]
With regard to	With regard to single people, they were the least likely [...]
With respect to	
As for	As for beef consumption, a steady decline was seen [...]
Regarding	Regarding beef consumption, after starting the period at [...]
In terms of	In terms of fish, [...]

The line graph gives information about the employment of American workers in various sectors from 1930 to 2010.

Đã chú thích [6]: Better: the proportion of American workers employed

Overall, throughout the given period, the industrial, technical, and sales & office sectors emerged as major employers. In contrast, there was a sharp downward trend in the number of people working in the agricultural sector, becoming the least chosen one by the end of the timeframe.

Đã chú thích [7]: Better: falling from by far the most popular sector to the least

Regarding industries that gained in popularity, in 1930, virtually no Americans were engaged in industrial and technical jobs, and only 10% pursued sales and office occupations. Thereafter, having remained consistent until 1960, industrial jobs began attracting more workers, with its percentages rising gradually to a peak of roughly 35% in both 2000 and 2010. Similar upward

trends were also witnessed in technical and sales and office positions, as their participation rates underwent steady increases overall, to around 30% and 20%, respectively in the final year, making them the second and third most common occupations.

On the other hand, despite being the dominant industry in 1930, with approximately 75% of the labor force employed in farming, fishing and forestry, this sector saw a dramatic decline over the years, reaching a low of only 5% in 2010. Finally, the percentages of workers in other services rose slightly from 10% to 15% in the first decade, and then fell to a relatively stable level of around 10% for the rest of the period.

Đã chú thích [8]: Good

LR- - Lexical resource nb Some GRA errors have not been corrected.

Band score 8

Vocabulary is used accurately with sufficient flexibility to show precise meaning, and with only minor inaccuracies, which is good for a band score 8.

- uses a wide range of vocabulary fluently and flexibly to convey precise meanings

Band score 8 LR

- skillfully uses uncommon lexical items but there may be occasional inaccuracies in word choice and collocation

Band score 8 LR

- produces rare errors in spelling and/or word formation

Band score 8 LR

The line graph gives information about the employment of American workers in various sectors from 1930 to 2010.

Overall, throughout the given period, the industrial, technical, and sales & office sectors emerged as major employers. In contrast, there was a sharp downward trend in the number of people working in the agricultural sector, becoming the least chosen one by the end of the timeframe.

Regarding industries that gained in popularity, in 1930, virtually no Americans were engaged in industrial and technical jobs, and only 10% pursued sales and office occupations. Thereafter, having remained consistent until 1960, ~~industrial jobs~~ the industrial sector began attracting more workers, with its percentages rising gradually to a peak of roughly 35% in both 2000 and 2010. Similar upward trends were also witnessed in technical and sales and office positions, as their participation rates underwent steady increases overall, to around 30% and 20% respectively in the final year, making them the second and third most common occupations.

On the other hand, despite being the dominant industry in 1930, with approximately 75% of the labor force employed in farming, fishing and foresting, this sector saw a dramatic decline over the years, reaching a low of only 5% in 2010. Finally, the ~~percentages~~ percentage of workers in other services rose ~~slightly~~ from 10% to 15% in the first decade, and then fell ~~back~~ to a relatively stable level of around 10% for the rest of the period.

GRA - Grammatical range and accuracy nb Some LR errors have not been corrected

Band score 9

Grammar is used accurately with a wide variety of structures, which should be good for a band score 9.

Punctuation is used correctly throughout.

Đã chú thích [9]: Popular

Đã chú thích [10]: It makes more sense to say this

Đã chú thích [11]: It's not a peak because we don't know what happens next – it might continue to rise
Better to end the sentence with participle phrase — , ending up at its highest level of [...]

Đã chú thích [12]: Proportion is better

Đã chú thích [13]: A 50% rise is not really slight

Appropriate structures are used throughout.

- uses a wide range of structures with full flexibility and accuracy; rare minor errors occur only as 'slips'

Band score 9 GRA

The line graph gives information about the employment of American workers in various sectors from 1930 to 2010.

Overall, throughout the given period, the industrial, technical, and sales & office sectors emerged as major employers. In contrast, there was a sharp downward trend in the number of people working in the agricultural sector, becoming the least chosen one by the end of the timeframe.

Regarding industries that gained in popularity, in 1930, virtually no Americans were engaged in industrial and technical jobs, and only 10% pursued sales and office occupations. Thereafter, having remained consistent until 1960, industrial jobs began attracting more workers, with its percentages rising gradually to a peak of roughly 35% in both 2000 and 2010. Similar upward trends were also witnessed in technical and sales and office positions, as their participation rates underwent steady increases overall, to around 30% and 20% respectively in the final year, making them the second and third most common occupations.

On the other hand, despite being the dominant industry in 1930, with approximately 75% of the labor force employed in farming, fishing and foresting, this sector saw a dramatic decline over the years, reaching a low of only 5% in 2010. Finally, the percentages of workers in other services rose slightly from 10% to 15% in the first decade, and then fell to a relatively stable level of around 10% for the rest of the period.

Đã chú thích [14]: Or how the proportion of workers changed in various employment sectors in the US from [...]

Đã định dạng: Phông: 12 pt, Màu phông: Đỏ

Đã định dạng: Phông: 12 pt, Màu phông: Đỏ

OVERALL BAND SCORE 8 8+8+8+9

SEE BELOW C&C LR GRAMODEL ANSWER

WRITING TASK 2

You should spend about 40 minutes on this task. Write about the following topic.

Some experts ~~suppose~~ believe that when a country is already rich, any additional increase in economic wealth does not make its citizens happier.

To what extent do you agree or disagree?

Give reasons for your answer and include any relevant examples from your own knowledge or experience.

Write at least 250 words.

Original answer -

Opinions are divided on whether additional wealth generated from economic activities in developed countries directly translates to increased happiness among their citizens. While some might dispute this notion, I firmly believe it holds merit.

Some argue that economic success loses its significance in countries where wealth inequality is still a major issue. A case in point is Saudi Arabia, which has the largest oil reserves in the world. However, the revenue from this natural resource primarily benefits its royal family, leaving millions of its residents in impoverished conditions. Furthermore, in nations that prioritize military activities over social welfare, economic growth might not noticeably improve the living standards of the general population. For instance, numerous Americans struggle with homelessness, unable to meet their basic needs, even though their country invests vast sums of money in global wars and conflicts.

However, despite the few examples mentioned above, I contend that regardless of a country's economic status, a growing economy generally correlates with increased satisfaction with life among its citizens. One major reason is that our sense of fulfillment often stems from the act of working and contributing to something, rather than solely from financial compensation. The personal endeavour to better oneself at work, and the whole economy collectively, can instill a profound sense of purpose, resulting in a thriving and overall happier nation. This can be seen in affluent Scandinavian countries and much of the rest of Europe, especially those with fairer wealth distribution. Even though their economies continue to gradually expand, they remain among the happiest regions globally.

In conclusion, while some might challenge the notion that accumulating more wealth has limited impact on promoting happiness in prosperous nations, I maintain that, except for a few outliers, in most countries with effective governance, efforts to foster the national economy also enhance an individual's overall life satisfaction.

TR – Task Response nb – GRA and LR errors have not been corrected

Band score 8

The arguments in main body paragraph 1 make sense.

The arguments in main body paragraph 2 are less convincing. It would be much easier to point out that not everyone in so-called rich countries is comfortable with respect to their needs. Spending in healthcare, education, infrastructure would all benefit the poorest in society, which is why I'd write about public spending rather than your idea about individuals working hard for the collective good. Maybe that's the case in Vietnam, but the examples you gave were in Europe, where we are definitely not collective-minded.

Despite this, it's a very good response.

You have a clear position throughout and all parts of the question are addressed.

Your position is coherent and well-argued.

The ideas are relevant, extended and there are no contradictions.

- sufficiently addresses all parts of the task
 - presents a well-developed response to the question with relevant, extended and supported ideas
- Band score 8 TR

Opinions are divided on whether additional wealth generated from economic activities in developed countries directly translates to increased happiness among their citizens. While some might dispute this notion, I firmly believe it holds merit.

Some argue that economic success loses its significance in countries where wealth inequality is still a major issue. A case in point is Saudi Arabia, which has the largest oil reserves in the world. However, the revenue from this natural resource primarily benefits its royal family, leaving millions of its residents in impoverished conditions. Furthermore, in nations that prioritize military activities over social welfare, economic growth might not noticeably improve the living standards of the general population. For instance, numerous Americans struggle with homelessness, unable to meet their basic needs, even though their country invests vast sums of money in global wars and conflicts.

Đã chú thích [15]: Good introduction with a clear position
See C&C

Đã chú thích [16]: Good main idea

Đã chú thích [17]: Including in Vietnam

Đã chú thích [18]: Relevant supporting ideas

However, despite the few examples mentioned above, I contend that regardless of a country's economic status, a growing economy generally correlates with increased satisfaction with life among its citizens. One major reason is that our sense of fulfillment often stems from the act of working and contributing to something, rather than solely from financial compensation. The personal endeavour to better oneself at work, and the whole economy collectively, can instill a profound sense of purpose, resulting in a thriving and overall happier nation. This can be seen in affluent Scandinavian countries and much of the rest of Europe, especially those with fairer wealth distribution. Even though their economies continue to gradually expand, they remain among the happiest regions globally.

In conclusion, while some might challenge the notion that accumulating more wealth has limited impact on promoting happiness in prosperous nations, I maintain that, except for a few outliers, in most countries with effective governance, efforts to foster the national economy also enhance an individual's overall life satisfaction.

Đã chú thích [19]: It would be more consistent to say in most countries

Đã chú thích [20]: Good main idea

Đã chú thích [21]: Does this support your argument? You'd need to say their level of happiness is rising to support your argument.

Đã chú thích [22]: Relevant supporting ideas, but I'm sceptical about whether people are really striving to improve the economy collectively. Also, what difference does it make if the economy is growing or not? In recessions, they have to work even harder, and with your argument, that would make them even happier.

Đã chú thích [23]: I think you're on automatic pilot here. You challenged it yourself and showed it to be true.

Đã chú thích [24]: I don't see the point in this, as you didn't make this argument. You made the argument that in badly governed societies – let's call them tyrannies – additional wealth goes to the elites rather than to the people. And you covered this in the second sentence, with the phrase about outliers.

Đã chú thích [25]: Ok conclusion, but note my comments

C&C - Cohesion and Coherence nb GRA and LR errors have not been corrected

Band score 8

My suggestions at the start are penalised under TR, which is why I gave you 8 for C&C. The organisation is excellent and easy to follow. The paragraphs have a natural flow of ideas and clear central topics. Use of cohesive devices and referencing is excellent throughout. The paragraphs have a natural flow which is characteristic of high band score answer.

▪ uses paragraphing sufficiently and appropriately

Band score 8 C&C

▪ sequences information and ideas logically

Band score 8 C&C

▪ manages all aspects of cohesion well

Band score 8 C&C

Opinions are divided on whether additional wealth generated from economic activities in developed countries directly translates to increased happiness among their citizens. While some might dispute this notion, I firmly believe it holds merit.

Some argue that it is true that economic success loses its significance in countries where wealth inequality is still a major issue. A case in point is Saudi Arabia, which has the largest oil reserves in the world. However, the revenue from this natural resource primarily benefits its royal family, leaving millions of its residents in impoverished conditions. Furthermore, in nations that prioritize military activities over social welfare, economic growth might not noticeably improve the living standards of the general population. For instance, numerous Americans struggle with homelessness, unable to meet their basic needs, even though while their country invests vast sums of money in global wars and conflicts.

However, despite the few examples mentioned above, I contend that regardless of a country's economic status in most countries, a growing economy generally correlates with increased satisfaction with life among its citizens. One major reason is that our sense of fulfillment often stems from the act of working and contributing to something, rather than solely from financial compensation. The personal endeavour to better oneself at work, and the whole economy collectively, can instill a profound sense of purpose, resulting in a thriving and overall happier nation. This can be seen in affluent Scandinavian countries and much of the rest of Europe, especially those with fairer wealth distribution. Even though their economies continue to gradually expand, they remain among the happiest regions globally.

In conclusion, while some might challenge the notion that accumulating more wealth has limited impact on promoting happiness in prosperous nations, I maintain that, except for a few outliers,

Đã chú thích [26]: Better introduction, which more accurately reflects your position:
It is proposed that additional wealth in an already rich country does not translate into greater happiness for the people. I believe this is only true in tyrannical societies, in which only the elite benefit.

Đã chú thích [27]: This suggests that you don't share this view, which in fact, you do.

Đã chú thích [28]: Good topic sentence, but note my suggestion to make it better.

Đã chú thích [29]: Good sentences

Đã chú thích [30]: Good topic sentence, but note my suggestion to make it better.

Đã chú thích [31]: Good

Đã chú thích [32]: See my comment under TR

in most countries with effective governance, efforts to foster the national economy also enhance an individual's overall life satisfaction.

LR- - Lexical resource nb Some GRA errors have not been corrected

Band score 8

Vocabulary is used accurately with sufficient flexibility to show precise meaning, and with only minor inaccuracies, which is good for a band score 8

- uses a wide range of vocabulary fluently and flexibly to convey precise meanings

Band score 8 LR

- skilfully uses uncommon lexical items but there may be occasional inaccuracies in word choice and collocation

Band score 8 LR

- produces rare errors in spelling and/or word formation

Band score 8 LR

Opinions are divided on whether additional wealth generated from economic activities in developed countries directly translates to increased happiness among their citizens. While some might dispute this **notion**, I firmly believe it holds merit.

Some argue that economic success **loses its significance** in countries where wealth inequality is still a major issue. A case in point is Saudi Arabia, which has the largest oil reserves in the world. However, the revenue from this natural resource primarily benefits its royal family, leaving millions of its residents in impoverished conditions. Furthermore, in nations that prioritize military activities over social welfare, economic growth might not noticeably improve the living standards of the general population. For instance, **numerous hundreds of thousands of** Americans struggle with homelessness, unable to meet their basic needs, **even though their country** invests vast sums of money in global wars and conflicts.

However, despite the few examples mentioned above, I contend that regardless of a country's economic status, a growing economy generally correlates with increased satisfaction with life among its citizens. One major reason is that our sense of **fulfillment** often stems from the act of working and contributing to something, rather than solely from financial compensation. The personal endeavour to better oneself at work, and the whole economy collectively, can instill a profound sense of purpose, resulting in a thriving and overall happier nation. This can be seen in affluent Scandinavian countries and much of the rest of Europe,

Đã chú thích [33]: Usually used disparagingly, or sarcastically, so I wouldn't use it in Task 2, especially if I agreed with the idea in question.

Đã chú thích [34]: Better: has no significance for ordinary people

Đã chú thích [35]: Too vague

Đã chú thích [36]: See C&C

Đã chú thích [37]: Technically it's the government

especially those with fairer wealth distribution. Even though their economies continue to gradually expand, they remain among the happiest regions globally.

In conclusion, while some might challenge the ~~notion-belief~~ that accumulating more wealth has limited impact on ~~promoting-improving~~ happiness in prosperous nations, I maintain that, except for a few outliers, in most countries with effective governance, efforts to ~~foster-stimulate~~ the national economy also ~~enhance-improve~~ an individual's overall ~~life-level of~~ satisfaction.

Đã chú thích [38]: Go for precision

GRA — Grammatical range and accuracy nb Some LR errors have not been corrected

Band score 9

Grammar is used accurately a wide variety of structures, which should be good for a band score 9.

Punctuation is use correctly throughout.

Appropriate structures are used throughout.

- uses a wide range of structures with full flexibility and accuracy; rare minor errors occur only as 'slips'

Band score 9 GRA

Opinions are divided on whether additional wealth generated from economic activities in developed countries directly translates to increased happiness among their citizens. While some might dispute this notion, I firmly believe it holds merit.

Some argue that economic success loses its significance in countries where wealth inequality is still a major issue. A case in point is Saudi Arabia, which has the largest oil reserves in the world. However, the revenue from this natural resource primarily benefits its royal family, leaving millions of its residents in impoverished conditions. Furthermore, in nations that prioritize military activities over social welfare, economic growth might not noticeably improve the living standards of the general population. For instance, numerous Americans struggle with homelessness, unable to meet their basic needs, even though their country invests vast sums of money in global wars and conflicts.

However, despite the few examples mentioned above, I contend that regardless of a country's economic status, a growing economy generally correlates with increased satisfaction with life among its citizens. One major reason is that our sense of fulfillment often stems from the act of working and contributing to something, rather than solely from financial compensation. The personal endeavour to better oneself at work, and the whole economy collectively, can instill a profound sense of purpose, resulting in a thriving and overall happier nation. This can be seen in affluent Scandinavian countries and much of the rest of Europe, especially those with fairer wealth distribution. Even though their economies continue to gradually expand, they remain among the happiest regions globally.

In conclusion, while some might challenge the notion that accumulating more wealth has limited impact on promoting happiness in prosperous nations, I maintain that, except for a few outliers, in most countries with effective governance, efforts to foster the national economy also enhance an individual's overall life satisfaction.

Đã chú thích [39]: See C&C